

Số: /SKHCN-QLKH

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2019

V/v đề xuất đặt hàng dự án thuộc  
Chương trình Nông thôn và miền  
núi bắt đầu thực hiện từ năm 2020

Kính gửi: .....

Thực hiện Công văn số 269/BKHCN-KHTC ngày 31/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2020; Công văn số 418/BKHCN-ĐP ngày 26/02/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đơn đốc đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 (gọi tắt là Chương trình Nông thôn miền núi), Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về việc đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện năm 2020 như sau:

### **1. Đối tượng dự án đề xuất:**

Các dự án thuộc Chương trình là dự án ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Mục III Điều 1 Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Nông thôn miền núi. Ưu tiên những dự án hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò là hạt nhân liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất hàng hoá tại địa bàn tỉnh; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch trong nông nghiệp; ứng dụng công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất gắn với du lịch sinh thái; dự án có thu hút cán bộ khoa học trẻ, tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ.

**2. Hồ sơ đề xuất dự án** thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Thông tư 07/2016/TT-BKHCN ngày 22/4/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025 (gọi tắt là *Thông tư 07/2016/TT-BKHCN*), cụ thể:

- a) Thuyết minh dự án (Mẫu B1.1-TMDA);
- b) Tóm tắt hoạt động khoa học của Tổ chức chủ trì (Mẫu B1.2-HĐTCCT);
- c) Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm dự án (Mẫu B1.3-LLKHCN);
- d) Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (Mẫu B1.4-

HĐTCHTCN);

đ) Tài liệu chứng minh xuất xứ công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.

Việc xây dựng dự toán kinh phí phải căn cứ Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình.

Chi tiết các biểu mẫu và Thông tư hướng dẫn có thể tham khảo trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ ([www.skh.quangngai.gov.vn](http://www.skh.quangngai.gov.vn)).

**3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ và thông tin liên hệ:**

- Thời gian nộp hồ sơ: Trước ngày 25/3/2019.

- Địa điểm: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (Số 202a đường Trường Chinh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Thông tin liên hệ: Phòng Quản lý Khoa học, điện thoại: 0255.8556.005.

Kính đề nghị quý địa phương, đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng: KH-TC, Quản lý KH&CN cơ sở;
- Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN (đăng lên website);
- Lưu: VT, QLKH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thành**

**MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN**  
**thuộc Chương trình Nông thôn miền núi**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên Dự án:** .....

**2. Mã số:**

**3. Cấp quản lý:** - Bộ Khoa học và Công nghệ:   
- Ủy quyền cho địa phương quản lý:

**4. Thời gian thực hiện:** ..... tháng, từ tháng .... /20... đến tháng .... /20...

**5. Dự kiến kinh phí thực hiện:** ..... triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương: ..... triệu đồng
- Ngân sách địa phương: ..... triệu đồng
- Nguồn khác: ..... triệu đồng

Phương thức khoán chi:

- Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng:
- Khoán chi từng phần:

**6. Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án:**

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

**7. Chủ nhiệm Dự án:**

Họ, tên:

Học hàm, học vị:

Địa chỉ:

E-mail:

Chức vụ:

Điện thoại:

CQ:

NR:

Mobile:

**8. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:**

Tên cơ quan:

Địa chỉ:

Điện thoại:

## **9. Tính cấp thiết của dự án:**

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh hoặc vùng.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hộicủa tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

## **10. Tính tiên tiến và thích hợp của công nghệ được ứng dụng, chuyển giao:**

Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về các công nghệ đang được áp dụng tại địa phương trong lĩnh vực dự án dự kiến triển khai;

- Đặc điểm và xuất xứ của công nghệ dự kiến áp dụng.
- Nêu tính tiên tiến của công nghệ dự kiến áp dụng so với các công nghệ đang áp dụng tại địa phương.
- Nêu tính thích hợp của công nghệ dự kiến áp dụng.

## **II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

### **11. Mục tiêu:**

11.1. Mục tiêu chung:

11.2. Mục tiêu cụ thể

**12. Nội dung** (nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu):

- Mô tả công nghệ ứng dụng;
- Những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (xây dựng mô hình, ứng dụng công nghệ tạo sản phẩm mới ...;);
- Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại địa phương, tập huấn cán bộ kỹ thuật và nông dân.

### **13. Giải pháp thực hiện:**

- Giải pháp về mặt bằng và xây dựng cơ bản (nếu có).
- Giải pháp về đào tạo
- Giải pháp về tổ chức sản xuất, trong đó làm rõ:
  - + Giải pháp về xây dựng mô hình dự án;
  - + Giải pháp thu hút, sử dụng lao động: Số lượng lao động trực tiếp, gián tiếp tham gia dự án và thu nhập hàng tháng.
- Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Giải pháp về nguồn vốn

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án trên cơ sở:

Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương, ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương, nguồn vốn khác (có văn bản pháp lý kèm theo).

- Giải pháp thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án (nếu có).

### **14. Tiến độ thực hiện:**

| <b>TT</b> | <b>Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu</b> | <b>Sản phẩm phải đạt</b> | <b>Thời gian (BĐ-KT)</b> | <b>Cơ quan thực hiện<br/>(ghi rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp)</b> |
|-----------|--|--------------------------|--------------------------|---|
| 1         | 2  | 3                        | 4                        | 5   |
|           |  |                          |                          |   |
|           |  |                          |                          |   |
|           |  |                          |                          |   |

### 15. Sản phẩm của dự án:

15.1. Nêu sản phẩm cụ thể của dự án:

| <b>TT</b> | <b>Tên sản phẩm</b> | <b>Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật</b> | <b>Chú thích</b> |
|-----------|---------------------|------------------------------------|------------------|
| 1         | 2                   | 3                                  | 4                |
| 1         |                     |                                    |                  |
| 2         |                     |                                    |                  |
| 3         |                     |                                    |                  |

15.2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án:

### 16. Kinh phí thực hiện dự án phân theo các khoản chi:

| <b>TT</b> | <b>Nguồn kinh phí</b>      | <b>Tổng số</b> | <b>Trong đó</b>                         |                                     |                          |                        |                 |
|-----------|----------------------------|----------------|---|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|
|           |                            |                | <b>Thuê khoán chuyên môn và đào tạo</b> | <b>Nguyên, vật liệu, năng lượng</b> | <b>Thiết bị, máy móc</b> | <b>Xây dựng cơ bản</b> | <b>Chi khác</b> |
| <b>1</b>  | <b>2</b>                   | <b>3</b>       | <b>4</b>                                | <b>5</b>                            | <b>6</b>                 | <b>7</b>               | <b>8</b>        |
|           | <b>Tổng kinh phí</b>       |                |   |                                     |                          |                        |                 |
|           | Trong đó:                  |                |   |                                     |                          |                        |                 |
| 1         | Ngân sách SNKH & CN TW     |                |   |                                     |                          |                        |                 |
| 2         | Ngân sách SNKH & CN ĐP     |                |   |                                     |                          |                        |                 |
| 3         | Nguồn ngân sách khác       |                |   |                                     |                          |                        |                 |
| 4         | Các nguồn vốn khác         |                |   |                                     |                          |                        |                 |
|           | - Tự có                    |                |   |                                     |                          |                        |                 |
|           | - Khác (vốn huy động, ...) |                |   |                                     |                          |                        |                 |
|           |                            |                |   |                                     |                          |                        |                 |

### 17. Hiệu quả kinh tế - xã hội:

17.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án:

- Hiệu quả kinh tế: đánh giá tính tiên tiến của sản phẩm tạo ra, ước tính hiệu quả kinh tế bằng số lượng, hoặc bằng tiền;

- Hiệu quả về xã hội: (xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động, mức thu nhập tăng như thế nào so với trước khi thực hiện dự án)
- Đánh giá hiệu quả thu hút cán bộ khoa học trẻ, cán bộ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

17.2. Khả năng và kế hoạch mở rộng của dự án:

Ngày....tháng....năm 20...  
**Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày....tháng....năm 20...  
**Tổ chức chủ trì dự án**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày....tháng....năm 20...  
**Sở Khoa học và Công nghệ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày .... tháng năm 20...  
**Bộ Khoa học và Công nghệ**  
(Đối với dự án TW quản lý)  
(Ký tên, đóng dấu)

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### *Khoản 1. Kinh phí hỗ trợ ứng dụng công nghệ*

*Triệu đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b> | <b>Kinh phí</b> |             |                  |                            |             |                      |                            |             |
|-----------|-----------------|-----------------|-------------|------------------|----------------------------|-------------|----------------------|----------------------------|-------------|
|           |                 | <b>Tổng</b>     | <b>NSTW</b> |                  |                            | <b>NSDP</b> |                      |                            | <b>Khác</b> |
|           |                 |                 | <i>Tổng</i> | <i>Khoán chi</i> | <i>Không<br/>khoán chi</i> | <i>Tổng</i> | <i>Khoán<br/>chi</i> | <i>Không<br/>khoán chi</i> |             |
|           |                 |                 |             |                  |                            |             |                      |                            |             |
|           |                 |                 |             |                  |                            |             |                      |                            |             |
|           |                 |                 |             |                  |                            |             |                      |                            |             |
|           |                 |                 |             |                  |                            |             |                      |                            |             |
|           | <b>Cộng</b>     |                 |             |                  |                            |             |                      |                            |             |

### *Khoản 2. Đào tạo, tập huấn*

*Triệu đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b> | <b>Tổng kinh phí</b> | <b>Kinh phí</b> |                  |                            |             |                      |                                |             |
|-----------|-----------------|----------------------|-----------------|------------------|----------------------------|-------------|----------------------|--------------------------------|-------------|
|           |                 |                      | <b>NSTW</b>     |                  |                            | <b>NSDP</b> |                      |                                | <b>Khác</b> |
|           |                 |                      | <i>Tổng</i>     | <i>Khoán chi</i> | <i>Không<br/>khoán chi</i> | <i>Tổng</i> | <i>Khoán<br/>chi</i> | <i>Không<br/>khoán<br/>chi</i> |             |
|           |                 |                      |                 |                  |                            |             |                      |                                |             |
|           |                 |                      |                 |                  |                            |             |                      |                                |             |
|           |                 |                      |                 |                  |                            |             |                      |                                |             |
|           |                 |                      |                 |                  |                            |             |                      |                                |             |
|           | <b>Cộng</b>     |                      |                 |                  |                            |             |                      |                                |             |

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

Triệu đồng

| TT          | Nội dung               | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn |           |                 |      |           |                 |      |
|-------------|------------------------|--------|----------|---------|------------|-----------|-----------|-----------------|------|-----------|-----------------|------|
|             |                        |        |          |         |            | NSTW      |           |                 | NSDP |           |                 | Khác |
|             |                        |        |          |         |            | Tổng      | Khoán chi | Không khoán chi | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi |      |
| 3.1         | Nguyên, vật liệu       |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3.2         | Dụng cụ, phụ tùng      |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3.3         | Năng lượng, nhiên liệu |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
|             | - Than                 |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
|             | - Điện                 | KW/h   |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
|             | - Xăng, dầu            |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
|             | - Nhiên liệu khác      |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| <b>Cộng</b> |                        |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |



**Khoản 4. Thiết bị, máy móc chuyên dùng**

Triệu đồng

| TT          | Nội dung               | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn |           |                 |      |           |                 |      |
|-------------|------------------------|--------|----------|---------|------------|-----------|-----------|-----------------|------|-----------|-----------------|------|
|             |                        |        |          |         |            | NSTW      |           |                 | NSDP |           |                 | Khác |
|             |                        |        |          |         |            | Tổng      | Khoán chi | Không khoán chi | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi |      |
| 4.1         | Mua thiết bị công nghệ |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 4.2         | Khấu hao thiết bị      |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 4.3         | Vận chuyển lắp đặt     |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |
| <b>Cộng</b> |                        |        |          |         |            |           |           |                 |      |           |                 |      |

**Khoản 5. Xây dựng cơ bản**

Triệu đồng

| TT          | Nội dung   | Kinh phí | Nguồn vốn |           |                 |      |
|-------------|--|----------|-----------|-----------|-----------------|------|
|             |  |          | NSDP      |           |                 | Khác |
|             |  |          | Tổng      | Khoán chi | Không khoán chi |      |
| 5.1         | Chi phí xây dựng .....m <sup>2</sup> nhà xưởng, phòng nhân giống, nhà kính, nhà lưới, vườn ươm |          |           |           |                 |      |
| 5.2         | Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng  |          |           |           |                 |      |
| 5.3         | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước   |          |           |           |                 |      |
| <b>Cộng</b> |  |          |           |           |                 |      |

**Khoản 6. Công lao động**

Triệu đồng

| TT  | Nội dung  | Số lượng<br>(người) | Số công | Đơn giá | Kinh phí | Nguồn vốn |           |                 |      |           |                 |      |
|-----|---|---------------------|---------|---------|----------|-----------|-----------|-----------------|------|-----------|-----------------|------|
|     |   |                     |         |         |          | NSTW      |           |                 | NSDP |           |                 | Khác |
|     |   |                     |         |         |          | Tổng      | Khoán chi | Không khoán chi | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi |      |
| 1   | Kỹ sư   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 1.1 | Kỹ sư chỉ đạo   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 1.2 | .....   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 2   | Kỹ thuật viên   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 2.1 | Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện nội dung công nghệ       |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 2.2 | Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện nội dung công nghệ ..... |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3   | Lao động đơn giản   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3.1 | Lao động đơn giản thực hiện nội dung                        |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3.2 | Lao động đơn giản thực hiện nội dung                        |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 3.3 | .....   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | <b>Cộng</b>   |                     |         |         |          |           |           |                 |      |           |                 |      |

**Khoản 7. Chi khác**

Triệu đồng

| TT  | Nội dung   | Kinh phí | Nguồn vốn |           |                 |      |           |                 |      |
|-----|--|----------|-----------|-----------|-----------------|------|-----------|-----------------|------|
|     |  |          | NSTW      |           |                 | NSDP |           |                 | Khác |
|     |  |          | Tổng      | Khoán chi | Không khoán chi | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi |      |
| 7.1 | Công tác phí   |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 7.2 | Quản lý cơ sở  |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 7.3 | Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu                     |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Chi phí kiểm tra, nghiệm thu mô hình                     |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Chi phí tự đánh giá kết quả thực hiện (nghiệm thu cơ sở) |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Chi phí nghiệm thu cấp tỉnh                              |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 7.4 | Chi khác   |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Thông tin, tuyên truyền                                  |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Tiếp thị, quảng cáo                                      |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Hội thảo   |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - Hội nghị   |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | - In ấn tài liệu, văn phòng phẩm                           |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
| 7.5 | Phụ cấp Chủ nhiệm dự án                                    |          |           |           |                 |      |           |                 |      |
|     | <b>Cộng</b>  |          |           |           |                 |      |           |                 |      |

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

|  |
|--|
| <p><b>1. Tên tổ chức:</b></p> <p>Năm thành lập:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại: Fax:</p> <p>Email:</p>  |
| <p><b>2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh</b> (<i>minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất</i>)</p>   |
| <p><b>3. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiến sỹ:</li><li>- Thạc sỹ:</li><li>- Đại học:</li><li>- Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:</li></ul> |
| <p><b>4. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm dự án</b> (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)</p>           |
| <p><b>5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án:</li><br/><li>- Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:</li></ul>      |
| <p><b>6. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn tự có: ..... triệu đồng</li><li>- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng</li></ul>  |

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**

## LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

| <b>A. Thông tin chung về cá nhân chủ trì dự án</b>  |           |                     |                      |
|---|-----------|---------------------|----------------------|
| Họ và tên:  |           |                     |                      |
| Ngày tháng năm sinh:  |           |                     |                      |
| Nam, nữ:  |           |                     |                      |
| Địa chỉ   |           |                     |                      |
| Điện thoại:   | CQ:       | NR:                 | Mobile:              |
| Fax:  | Email:    |                     |                      |
| Chức vụ:  |           |                     |                      |
| <b>B. Trình độ đào tạo</b>  |           |                     |                      |
| <b>1. Trình độ chuyên môn</b>   |           |                     |                      |
| Học vị/học hàm:   |           |                     |                      |
| Năm nhận bằng:  |           |                     |                      |
| Chuyên ngành đào tạo:   |           |                     |                      |
| Quá trình, nơi và chuyên ngành đào tạo:   |           |                     |                      |
| <b>2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành</b>  |           |                     |                      |
| Lĩnh vực:   |           |                     |                      |
| Năm:  |           |                     |                      |
| Nơi đào tạo:  |           |                     |                      |
| <b>C. Kinh nghiệm về quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và tiếp nhận, triển khai công nghệ</b>                              |           |                     |                      |
| Số năm kinh nghiệm:   |           |                     |                      |
| Số dự án đã chủ trì tiếp nhận và triển khai:  |           |                     |                      |
| TT  | Tên dự án | Tên tổ chức chủ trì | Năm bắt đầu-kết thúc |
| 1.  |           |                     |                      |
| 2.  |           |                     |                      |
| <b>D. Thành tựu hoạt động trong công tác tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, triển khai công nghệ và sản xuất kinh doanh khác</b> |           |                     |                      |

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**CƠ QUAN NƠI LÀM VIỆC CỦA  
CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**  
(xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**  
(Họ tên và chữ ký)

## TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

|   |
|---|
| <b>1. Tên tổ chức:</b><br><br>Năm thành lập:<br><br>Địa chỉ:<br><br>Điện thoại:    Fax:    Email:   |
| <b>2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án:</b><br><br>   |
| <b>3. Xác nhận về các quy trình công nghệ cần hỗ trợ ứng dụng:</b><br><br>  |
| <b>4. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức:</b><br><br>- Tiến sỹ:<br>- Thạc sỹ:<br>- Đại học:   |
| <b>5. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến các quy trình công nghệ cần chuyển giao của các cán bộ trực tiếp tham gia dự án (nêu lĩnh vực chuyên môn, số năm kinh nghiệm, thành tựu tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)</b><br><br> |

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ**  
(ký tên, đóng dấu)

## **DANH SÁCH GỬI ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NTMN NĂM 2020**

1. Các sở ban ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Hội Nông dân tỉnh, Ban Dân tộc;
2. UBND huyện Lý Sơn;
3. UBND huyện Bình Sơn;
4. UBND huyện Sơn Tịnh;
5. UBND huyện Trà Bồng;
6. UBND huyện Sơn Tây;
7. UBND huyện Tây Trà;
8. UBND huyện Mộ Đức;
9. UBND huyện Sơn Hà;
10. UBND huyện Ba Tơ;
11. UBND huyện Minh Long;
12. UBND huyện Nghĩa Hành;
13. UBND huyện Đức Phổ;
14. UBND huyện Tư Nghĩa;
15. Công ty CP Đường Quảng Ngãi;
16. Công ty TNHH giống cây trồng vật nuôi Nông Tín (Doanh nghiệp KH&CN);
17. Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN;
18. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi;
19. Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn Quảng Ngãi;
20. Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi;